

PHỤ LỤC

(kèm theo Quyết định số 225-TTg
ngày 17-4-1995 của Thủ tướng Chính phủ).

DANH SÁCH**CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY
MÁY VÀ PHỤ TÙNG**

tại thời điểm thành lập lại Tổng công ty

1. Công ty Thiết bị,
2. Công ty Phụ tùng,
3. Công ty Thiết bị phụ tùng Hà Nội,
4. Công ty Vật tư và dịch vụ kỹ thuật Hà Nội,
5. Công ty Thiết bị phụ tùng Hải Phòng,
6. Công ty Thiết bị phụ tùng Đà Nẵng,
7. Công ty Thiết bị phụ tùng thành phố Hồ Chí Minh,
8. Công ty Vật tư và dịch vụ kỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh,
9. Công ty Xuất nhập khẩu máy thành phố Hồ Chí Minh.

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 227-TTg ngày 18-4-1995 về việc giao nhiệm vụ đào tạo trên đại học cho Viện Xã hội học.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ vào Quyết định số 224-TTg ngày 24-5-1976 của Thủ tướng Chính phủ về việc đào tạo trên đại học ở trong nước:

Xét đề nghị của Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia (Công văn số 14469-KHXH/TCĐT ngày 15-12-1993), Bộ Giáo dục và Đào tạo (Công văn số 610/SQH ngày 6-2-1995), Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường (Công văn số 717-TCCBKH ngày 3-4-1995),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.- Giao nhiệm vụ đào tạo trên đại học cho Viện Xã hội học (Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia).

Điều 2.- Bộ Giáo dục và Đào tạo cùng với Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường quy định các chuyên ngành đào tạo cho Viện Xã hội học.

Điều 3.- Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước và Thủ trưởng các Bộ, các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

K.T. Thủ tướng Chính phủ
Phó Thủ tướng
NGUYỄN KHÁNH

CÁC BỘ**BỘ TÀI CHÍNH**

THÔNG TƯ số 16-TC/NSNN ngày 7-3-1995 hướng dẫn bổ sung và sửa đổi Mục lục ngân sách Nhà nước.

Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 68-TC/NSNN ngày 15-8-1994 về việc hệ thống hóa và bổ sung, sửa đổi một số chương, mục của Mục lục ngân sách Nhà nước hiện hành, Thông tư có hiệu lực thi hành từ ngày 1-1-1994. Đến nay, do có nhiều thay đổi trong quản lý tài chính và quản lý ngân sách Nhà nước; Bộ Tài chính tiếp tục bổ sung, sửa đổi một số chương, mục của Mục lục ngân sách Nhà nước và hướng dẫn việc hạch toán, kế toán và quyết toán các khoản thu, chi của ngân sách Nhà nước phát sinh như sau:

A. MỘT SỐ CHƯƠNG

1. Mở chương 36A mới "Kiểm toán Nhà nước" để hạch toán, kế toán và quyết toán chi ngân sách Nhà nước của cơ quan Kiểm toán Nhà nước. Số chi ngân sách Nhà nước phát sinh từ sau ngày 1-1-1995 đều được hạch toán và quyết toán vào

chương 36A loại, khoản, hạng, mục tương ứng của Mục lục ngân sách Nhà nước.

2. Bộ chương 81A "Ban quản lý khu chế xuất thành phố Hồ Chí Minh" và bộ chương 82A "Ban quản lý khu chế xuất thành phố Hải Phòng", mở chương 81A mới "Ban quản lý các khu chế xuất", để hạch toán và theo dõi các khoản cấp phát của ngân sách Nhà nước cho các Ban quản lý khu chế xuất; Số cấp phát của ngân sách Nhà nước phát sinh từ ngày 1-1-1995 cho các Ban quản lý khu chế xuất hạch toán và quyết toán vào chương 81A mới "Ban quản lý các khu chế xuất"; loại, khoản, hạng, mục tương ứng của Mục lục ngân sách Nhà nước hiện hành.

B. VỀ MỤC THU

1. Để hạch toán và theo dõi số thuế xuất nhập khẩu qua biên giới đất liền nộp vào ngân sách Nhà nước của tất cả các loại hàng hóa được phép xuất, nhập khẩu qua biên giới đất liền (bao gồm hàng chính ngạch và hàng tiểu ngạch), mở các mục sau:

- Mở mục 06 "Thuế xuất khẩu qua biên giới đất liền".
- Mở mục 07 "Thuế nhập khẩu qua biên giới đất liền".
- Mở mục 32 "Thu khác về thuế xuất nhập khẩu qua biên giới đất liền".

Để tránh nhầm lẫn chứng từ nộp tiền vào ngân sách Nhà nước cần ghi rõ nội dung: "Nộp thuế xuất, nhập khẩu qua biên giới đất liền hoặc thu khác về thuế xuất, nhập khẩu qua biên giới đất liền". Hàng hóa được phép xuất nhập khẩu qua đường hàng không, đường biển vẫn hạch toán vào mục 04 "Thuế xuất khẩu"; mục 05 "Thuế nhập khẩu", và mục 33 "Thu khác về thuế xuất nhập khẩu" của Mục lục ngân sách Nhà nước hiện hành.

2. Mở mục 15 mới "Thu bảo hiểm xã hội" để hạch toán, kế toán và quyết toán số tiền bảo hiểm xã hội đã khấu trừ của các đơn vị hành chính sự nghiệp hưởng nguồn kinh phí từ ngân sách địa phương do Sở Tài chính vật giá các tỉnh, thành phố nộp vào ngân sách Nhà nước và số tiền bảo hiểm xã hội đã khấu trừ của các đơn vị hành chính sự nghiệp hưởng nguồn kinh phí từ ngân sách Trung ương do Bộ Tài chính nộp vào ngân sách Nhà nước (ngân sách Trung ương) để ngân sách Trung ương cấp lại cho quỹ bảo hiểm xã hội theo quy định tại Công văn số 3478-TC/HCVX ngày 27-12-1994 của Bộ Tài chính.

- Khi nộp bảo hiểm xã hội vào ngân sách Nhà nước, giấy nộp tiền ghi nộp vào chương 99, loại

13, khoản 02, hạng 3, mục 15 "Thu bảo hiểm xã hội" (ngân sách Trung ương hưởng 100%).

- Khi thực hiện khấu trừ vào kế hoạch kinh phí hàng quý của đơn vị kế toán hạch toán và quyết toán chi loại, khoản, hạng tương ứng, mục 68 "Chi bảo hiểm xã hội".

- Khi trích chuyển bảo hiểm xã hội từ ngân sách Nhà nước sang quỹ bảo hiểm xã hội do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý để chi trả lương hưu và các chính sách xã hội thì kế toán, hạch toán chương 99A, loại 13, khoản 02, hạng 3, mục 68 "Chi bảo hiểm xã hội". Cuối năm khi lập báo cáo tổng quyết toán ngân sách Nhà nước trình Quốc hội số thu và chi bảo hiểm xã hội nơi trên, thì ngân sách Trung ương sẽ được loại trừ để đảm bảo quyết toán thu, chi ngân sách Nhà nước không bị trùng lặp.

3. Mục 10 "Thu tiền bán nhà thuộc sở hữu của Nhà nước" để hạch toán, kế toán và quyết toán số thu về tiền bán nhà thuộc sở hữu của Nhà nước cho các đối tượng quy định tại Nghị định số 61-CP ngày 5-7-1994 của Chính phủ. Năm 1995 căn cứ vào Quyết định số 829-TTg ngày 30-12-1994 và Thông tư số 6-TC/NSNN ngày 6-1-1995 của Bộ Tài chính quy định số thu về tiền cấp quyền sử dụng đất theo tiền bán nhà thuộc sở hữu của Nhà nước, phát sinh từ ngày 1-1-1995 sẽ được hạch toán, kế toán và quyết toán vào mục 40 "Thu tiền bán nhà thuộc sở hữu Nhà nước".

Khi nộp tiền bán nhà thuộc sở hữu của Nhà nước (kể cả tiền cấp quyền sử dụng đất theo nhà thuộc sở hữu của Nhà nước) vào ngân sách Nhà nước, chứng từ nộp tiền ghi chương tương ứng loại 14, khoản 01, hạng 9, mục 40 "Thu tiền bán nhà thuộc sở hữu của Nhà nước".

4. Mục 28 "Thu cấp quyền sử dụng đất" để hạch toán, kế toán và quyết toán số tiền thu về cấp quyền sử dụng đất cho các tổ chức, cá nhân theo chế độ quy định hiện hành. Riêng số thu về cấp quyền sử dụng đất thuộc nhà sở hữu của Nhà nước từ ngày 1-1-1995 không hạch toán vào mục 28 "Cấp quyền sử dụng đất" mà hạch toán vào mục 40 "Thu tiền bán nhà thuộc sở hữu của Nhà nước" như đã hướng dẫn ở điểm 3, phần B. Khi nộp tiền cấp quyền sử dụng đất vào ngân sách Nhà nước, chứng từ nộp tiền ghi chương tương ứng loại 14, khoản 01, hạng 9, mục 28 "Thu cấp quyền sử dụng đất".

5. Mục 29 "Thuế chuyển quyền sử dụng đất" để hạch toán, kế toán và quyết toán tiền thuế chuyển quyền sử dụng đất của các tổ chức, cá nhân theo chế độ quy định tại Luật Thuế chuyển quyền sử dụng đất. Khi nộp thuế chuyển quyền sử dụng đất vào ngân sách Nhà nước, chứng từ

nộp tiền ghi chương, loại, khoản, hạng tương ứng, và mục 29 "Thuế chuyên quyền sử dụng đất".

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 1 tháng 1 năm 1995; các Bộ, các ngành, các đơn vị, địa phương, các cơ quan tài chính, cơ quan thuế và cơ quan Kho bạc Nhà nước các cấp tổ chức hướng dẫn các đơn vị trực thuộc thực hiện việc hạch toán, kế toán và quyết toán số thu chi ngân sách Nhà nước phát sinh theo đúng quy định tại Thông tư này. Những quy định tại Thông tư số 68-TC/NSNN ngày 15-8-1994 trái với Thông tư này đều bãi bỏ.

Trong quá trình thực hiện còn gì vướng mắc cần giải thích hoặc bổ sung, sửa đổi đề nghị có văn bản gửi về Bộ Tài chính để Bộ nghiên cứu và giải quyết.

K.T. Bộ trưởng Bộ Tài chính

Thứ trưởng

NGUYỄN SINH HÙNG

THÔNG TƯ số 20-TC/TCT ngày 16-3-1995 về việc hướng dẫn xét miễn thuế xuất nhập khẩu đối với các hình thức đầu tư theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam theo Nghị định số 191-CP ngày 28-12-1994 của Chính phủ.

Thực hiện Điều 14 Nghị định số 191-CP ngày 28-12-1994 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế Hình thành thẩm định và thực hiện dự án đầu tư trực tiếp của nước ngoài, quy định "Bộ Thương mại cấp giấy phép nhập khẩu, trong đó quy định rõ số hàng hóa được miễn thuế theo quy định của pháp luật".

Sau khi có ý kiến tham gia của các Bộ Thương mại, Tổng cục Hải quan, Ủy ban Nhà nước về Hợp tác và Đầu tư (SCCI), Bộ Tài chính hướng dẫn việc thực hiện xét miễn thuế xuất nhập khẩu đối với các hình thức đầu tư theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG VÀ ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC XÉT MIỄN THUẾ XUẤT NHẬP KHẨU

- Xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài các bên hợp doanh trên cơ sở Hợp đồng hợp tác kinh doanh, Hợp đồng phân chia sản phẩm đầu khi được thành lập theo Luật Đầu tư nước ngoài tại

Việt Nam (dưới đây gọi tắt là xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài).

- Thiết bị, máy móc, phụ tùng, các phương tiện sản xuất kinh doanh (gồm cả phương tiện vận tải) và các vật tư nhập khẩu vào Việt Nam để đầu tư xây dựng cơ bản hình thành xí nghiệp, hoặc để tạo tài sản cố định thực hiện Hợp đồng hợp tác kinh doanh (dưới đây gọi tắt là hàng hóa).

Các phương tiện sản xuất kinh doanh là những công cụ, dụng cụ lao động nhỏ, dụng cụ gá lắp chuyên dùng cho sản xuất; dao bìa, kết nhựa đóng gói quay vòng thuộc phương tiện cần thiết cho hoạt động sản xuất kinh doanh của xí nghiệp mới đi vào sản xuất lần đầu bằng vốn đầu tư ban đầu hình thành xí nghiệp và đã được ghi trong luận chứng kinh tế kỹ thuật ban đầu của dự án được duyệt thì được xét miễn thuế nhập khẩu lần đầu theo điểm 1, Điều 76 Nghị định số 18-CP ngày 16-4-1993 và Điều 13 Nghị định số 54-CP ngày 28-8-1993 của Chính phủ. Số lượng và trị giá hàng hóa nhập khẩu lần đầu được xét miễn thuế nhập khẩu cho đối tượng này được xác định trong luận chứng kinh tế kỹ thuật ban đầu của dự án và được Bộ Thương mại cho phép nhập khẩu.

- Riêng đối với hàng hóa, thiết bị... nhập khẩu phục vụ hoạt động đầu khí của các Hợp đồng thăm dò đầu khí thực hiện theo tinh thần Công văn số 5842/DK ngày 21-10-1994 của Chính phủ về việc miễn thuế xuất nhập khẩu đối với hàng hóa phục vụ hoạt động đầu khí.

- Phương tiện vận tải thực hiện theo định mức quy định tại Công văn số 1412-UB/QL ngày 27-7-1994 của Ủy ban Nhà nước về Hợp tác và Đầu tư về việc nhập khẩu xe ô-tô du lịch của các xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

- Mọi máy móc, thiết bị, vật tư, phương tiện vận tải nhập khẩu vào Việt Nam để xây dựng cơ bản hình thành xí nghiệp hoặc để tạo tài sản cố định để thực hiện Hợp đồng hợp tác kinh doanh vượt quá mức quy định so với luận chứng kinh tế kỹ thuật và giải trình thiết kế kỹ thuật, thì không được miễn thuế nhập khẩu.

- Trường hợp những dự án được cấp giấy phép bổ sung, điều chỉnh luận chứng kinh tế kỹ thuật thì Ủy ban Nhà nước về Hợp tác và Đầu tư gửi Bộ Thương mại bản giải trình kinh tế kỹ thuật bổ sung để có cơ sở làm thủ tục xét cấp kế hoạch nhập khẩu hàng hóa được miễn thuế nhập khẩu.

- Trường hợp xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có nhu cầu thay thế, tái đầu tư để đổi mới trang thiết bị phương tiện vận tải là các tài sản cố định đã được miễn thuế nhập khẩu lần đầu (kể cả trường hợp dùng vốn khấu hao tài sản cố định) thì không được miễn thuế nhập khẩu.